

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày 18/6/2019.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn L .**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà: **Nguyễn Thị T .**

2. Bà: **Lê Thị S .**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Ka H**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Vũ Ngọc A**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2018/TLDS-ST ngày 06/12/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐDS-ST ngày 16/5/2019 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Lê Thanh D, sinh năm 1967; địa chỉ: 11A Lam Sơn, phường L, TP. B , tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

**\* Bị đơn:**

- Bà Đồng Thị B, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

- Ông Vũ Thế T , sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

**Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Từ năm 2015 đến tháng 6/2016 bà B và ông T có vay của bà L nhiều lần tiền để chi phí việc làm sổ đỏ và xây nhà, cụ thể ngày 07/8/2015 vay 140.000.000đ; ngày 20/9/2015 vay 200.000.000đ; ngày 24/5/2016 vay 100.000.000đ; ngày 02/6/2016 vay 100.000.000đ, 1500USD và 01 cây vàng 9999. Vợ chồng bà B ông T đã trả được 1500USD, 01 cây vàng 9999 và còn nợ lại bà L tổng cộng 540.000.000đ. Sau nhiều lần hứa hẹn nhưng không T trả nên bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà B, ông T trả tiền nợ vay gốc 540.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/6/2019 là 540.000.000đ x 0.83% x 23 tháng là 103.086.000đ (Một trăm lẻ ba triệu không T răm tám mươi sáu ngàn). Tổng cộng nợ gốc và lãi là 643.086.000đ (Sáu trăm bốn mươi ba triệu không T răm tám mươi sáu ngàn).

Tại phiên tòa ông Dương yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 18/4/2019 để đảm bảo thi hành án cho bà Lý.

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà L giao nộp gồm bản gốc các giấy vay tiền ngày 07/8/2015, 20/9/2015, 24/5/2016 và ngày 02/6/2016.

**Tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà B xác nhận:** Nguồn gốc toàn bộ số nợ 440.000.000đ mà bà ký nhận vay của bà L vào các ngày 07/8/2015, ngày 20/9/2015, ngày 24/5/2016 là tiền bà B ghi sổ đề với bà Lý. Do quá trình chơi đề với bà L bị thua không có tiền trả nên bà L ép bà ghi thành giấy nợ vay. Còn số tiền 100.000.000đ, 150USD, 01 chỉ vàng 9999 vay ngày 02/6/2016 mà bà và ông T cùng ký vào giấy vay là tiền vợ chồng bà vay của bà B để làm nhà, vợ chồng bà đã trả cho bà L xong.

Bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của mình.

Ông Vũ Thế T được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có bất kỳ lời trình bày nào, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý, buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 440.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/6/2019; buộc bà B và ông T có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 100.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/6/2019; buộc bà B ông T chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Lý; tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 18/4/2019 để đảm bảo thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Tư cách tố tụng: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án xác định ông Vũ Thế Thị là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía nguyên đơn xác định khởi kiện đối với cả vợ chồng bà B ông T nên căn cứ vào khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông T là bị đơn trong vụ án.

- Về sự vắng mặt của ông T hình: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông T vắng mặt lần thứ 02 không có lý do chính đáng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T hình.

Về nội dung:

[01] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà B xác nhận bà là người trực tiếp viết và ký vào các giấy vay tiền ngày 07/8/2015, 20/9/2015, 24/5/2016. Toàn bộ số tiền này là do bà ghi sổ đề với bà L bị thua và viết giấy nhận nợ chứ không phải tiền vay như phía nguyên đơn trình bày nhưng bà B không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Đối với số tiền 100.000.000đ, 1500USD và 01 cây vàng 9999 bà B thừa nhận đây là tiền vợ chồng bà vay của bà L để làm nhà và đã trả xong nhưng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh.

[02] Căn cứ vào các giấy vay tiền và xác nhận của bà B thì đối với các lần vay tiền ngày 07/8/2015, 20/9/2015, 24/5/2016 chỉ có bà B ký vay, không có căn cứ chứng minh ông T cùng vay hay cùng sử dụng số tiền này hoặc bà B vay về để sử dụng mục đích chung của vợ chồng; Ông T không có bản khai nào thể hiện ông có vay hoặc sử dụng số tiền vay này nên không có căn cứ để buộc ông T cùng trả số tiền nợ vay này cho bà Lý. Đối với số tiền vay ngày 02/6/2016, bà B xác nhận nợ vay chung, xác nhận chữ ký vay là của ông T nhưng cho rằng vợ chồng đã trả khoản vay này cho bà L xong nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nên có căn cứ buộc ông T và bà B trả khoản nợ này cho bà Lý.

Từ những căn cứ trên cần:

- Buộc Bị đơn có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 440.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/6/2019 là  $440.000.000đ \times 0.83\% \times 23$  tháng là 103.086.000đ (Một trăm lẻ ba triệu không T răm tám mươi sáu ngàn đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi là 543.086.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu không T răm tám mươi sáu ngàn đồng)

- Buộc vợ chồng bà B , ông T có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 100.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày ngày 01/7/2017 đến ngày 01/6/2019 là  $100.000.000đ \times 0.83\% \times 23$  tháng là 19.090.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 119.090.000đ (Một trăm mười chín triệu không T răm chín mươi ngàn đồng).

[03] Xét yêu cầu của phía nguyên đơn là có căn cứ nên cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 18/4/2019 để đảm bảo thi hành án. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đã nộp theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2019/QĐ-BPBD ngày 16/8/2019.

[04] Về án phí:

- Buộc bà Đồng Thị B phải nộp  $543.086.000đ \times 5\% = 27.154.300đ$  (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc Ông Vũ Thế T, bà Đồng Thị B phải nộp  $119.090.000đ \times 5 = 5.954.500đ$  (Năm triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà L theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn bà Đồng Thị B và Ông Vũ Thế T.

Xử:

- Buộc bà Đồng Thị B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 543.086.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu không T tám mươi sáu ngàn).

- Buộc bà Đồng Thị B và Ông Vũ Thế T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L 119.090.000đ (Một trăm mười chín triệu không T chín mươi ngàn đồng).

*“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015”.*

### **2. Về án phí:**

- Buộc bà Đồng Thị B phải nộp 27.154.300đ (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc Ông Vũ Thế T, bà Đồng Thị B phải nộp 5.954.500đ (Năm triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0005468 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bà Lý, bà B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 18/6/2019; ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án

được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng <sup>(2)</sup>
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn L**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị T      Lê Thị S**

**Nguyễn Văn L**